

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77.../XNK-TCKT
(V/v giải trình lợi nhuận năm 2020 giảm so
với năm 2019)

An Giang, ngày 19 tháng 03 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 giảm so với năm 2019 là do nguyên nhân chủ yếu như sau:

1. BCTC riêng:

Trong năm 2020, thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, Angimex đã thành lập hai công ty con là Công ty TNHH Lương Thực Angimex và Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Angimex và chuyển hoạt động kinh doanh lương thực, xe gắn máy và phụ tùng về hai Công ty con. Điều này đã làm doanh thu, lợi nhuận sau thuế và các chỉ tiêu khác trên BCTC riêng của Angimex giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu thuần giảm 14,75%, giá vốn hàng bán giảm 13,36% đã làm lợi nhuận gộp giảm 30,73%. Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 12.994 triệu đồng, giảm 39,52% so với cùng kỳ.

2. BCTC hợp nhất:

Dưới tác động của dịch bệnh Covid 19 làm thu nhập của người dân giảm sút, hoạt động Logistics căng thẳng đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gạo và các mảng kinh doanh khác của Công ty.

Do các nguyên nhân kể trên nên báo cáo hợp nhất của Công ty cũng ảnh hưởng tương tự. Cụ thể, doanh thu thuần giảm 7,5%, lợi nhuận gộp giảm 14,21% đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 15.569 triệu đồng, giảm 38,61% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC Hợp nhất			
	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	%	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần BH và CCDV	1.769.776	2.076.020	(306.244)	(14,75)	1.961.400	2.120.479	(159.079)	(7,50)
Giá vốn hàng bán	1.652.264	1.907.154	(254.889)	(13,36)	1.805.892	1.939.796	(133.903)	(6,90)
Lợi nhuận gộp	116.723	168.495	(51.772)	(30,73)	154.285	179.850	(25.565)	(14,21)
Doanh thu hoạt động tài chính	20.682	14.653	6.028	41,14	16.071	10.043	6.028	60,02
Chi phí tài chính	17.921	12.488	5.433	43,51	18.000	12.707	5.294	41,66
Trong đó: lãi vay	15.369	10.581	4.788	45,25	15.404	10.605	4.799	45,25
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK					3.687	6.258	(2.570)	(41,07)
Chi phí bán hàng	91.270	120.060	(28.790)	(23,98)	114.020	123.922	(9.901)	(7,99)
Chi phí quản lý DN	14.340	15.114	(774)	(5,12)	19.969	20.007	(38)	(0,19)
Lợi nhuận từ hoạt động KD	13.873	35.487	(21.614)	(60,91)	22.055	39.516	(17.461)	(44,19)
Lợi nhuận khác	10.451	4.416	6.036	136,70	8.205	7.830	376	4,80
Tổng lợi nhuận trước thuế	24.325	39.903	(15.578)	(39,04)	30.260	47.346	(17.086)	(36,09)
Thuế TNDN hiện hành	4.274	6.967	(2.693)	(38,65)	5.341	6.967	(1.626)	(23,34)
Thuế TNDN hoãn lại	(167)	(58)	(109)	187,93	(167)	(58)	(109)	187,93
Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.884	32.878	(12.994)	(39,52)	24.753	40.321	(15.569)	(38,61)

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN HOÀNG AN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT